

Thực trạng và một số biện pháp xây dựng, phát triển nhóm nghiên cứu mạnh ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Đào Minh Quân*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 03 tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 12 năm 2016

Tóm tắt: Thực tiễn hoạt động nghiên cứu và đào tạo trong các trường đại học cho thấy, nhóm nghiên cứu (NNC), đặc biệt là các NNC mạnh đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc dắt dẫn hoạt động nghiên cứu. Có thể coi NNC là tế bào của hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN). Việc xây dựng và phát triển NNC trong các trường đại học sẽ vừa là mục tiêu vừa là giải pháp để tăng cường hoạt động KH&CN. Tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau, tổ chức này vẫn chưa được các trường đại học quan tâm, đầu tư đúng mức. Mục tiêu mà bài viết này hướng đến là làm rõ thực trạng xây dựng và phát triển NNC mạnh ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXH&NV), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) để từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN của Trường ĐHKHXH&NV nói riêng và của ĐHQGHN nói chung.

Từ khóa: Nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, dắt dẫn, vòng tròn hạt nhân

1. Đặt vấn đề

Nhóm nghiên cứu là một loại hình tổ chức đặc thù trong các trường đại học trên thế giới. Từ khi xuất hiện đại học, ở những cách thức khác nhau, NNC đã xuất hiện. NNC là tiền đề hình thành các trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu, trường phái nghiên cứu và cũng là cơ sở để sáng tạo nên các thành tựu khoa học đỉnh cao.

Hiện nay, có rất nhiều cách hiểu khác nhau về NNC. Giữa các nhà quản lý, các nhà khoa học vẫn chưa thể đi đến một quan điểm thống

nhất. Các trường đại học, các đơn vị nghiên cứu thường căn cứ vào hoạt động đào tạo và NCKH của mình mà đưa ra những định nghĩa riêng nhưng tựu chung lại có thể khái quát như sau: NNC là một tập hợp các thành viên có tổ chức hoặc có tính tổ chức trong các đơn vị có chức năng nghiên cứu. Các thành viên của nhóm được tập hợp để cùng thực hiện một đề tài hoặc theo đuổi một lĩnh vực nghiên cứu xác định và được dắt dẫn bởi một nhà khoa học có uy tín (*có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp*). Các NNC thường gắn liền với một số hay nhiều thành viên cộng tác và có chung cơ chế chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm khi thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu. Những người tham gia có thể gồm các nhà nghiên cứu trẻ, sinh viên, học

* ĐT.: 84-4-35575892

Email: quandm@vnu.edu.vn

viên, nghiên cứu sinh và các nhà khoa học thuộc các lớp tuổi khác nhau của tổ chức nghiên cứu trong nước và nước ngoài cùng tham gia và tạo nên các kết quả nghiên cứu.

Ở Việt Nam, NNC mặc dù đã có từ lâu nhưng việc nghiên cứu và phát triển tổ chức này mới chỉ thực sự rộ lên trong mấy năm gần đây. Thuật ngữ NNC xuất hiện cùng với xu hướng xây dựng các đại học nghiên cứu (ĐHNC) ở Việt Nam. Với vai trò dẫn dắt hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học, NNC, đặc biệt là NNC mạnh được coi là *“tế bào của cơ thể, là đơn vị cấu trúc và chức năng, quyết định cho sự thành công của các hoạt động khoa học công nghệ cũng như đào tạo của bất kỳ cơ quan tổ chức giáo dục nào. Nó giống như các tế bào tạo nên mô, mô tạo nên cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể, quần thể, quần xã các hệ sinh thái và cả thế giới sinh vật phong phú, đa dạng và hữu ích”*[1], việc xây dựng và phát triển NNC trong các trường đại học sẽ vừa là mục tiêu vừa là giải pháp để tăng cường hoạt động KH&CN.

Đối với một ĐHNC thì chức năng nghiên cứu chiếm ưu thế trong sứ mạng của nhà trường, nghĩa là nghiên cứu quyết định bản chất và nội dung của các hoạt động khác như giảng dạy, học tập, phục vụ xã hội. Thực tế cho thấy, những đề tài NCKH lớn có tính liên ngành cao như đề tài cấp nhà nước, đề tài trọng điểm cấp bộ/cấp đại học quốc gia đều được thực hiện bởi các NNC, thay vì cá nhân nghiên cứu độc lập. Những nghiên cứu được thực hiện bởi NNC sẽ làm tăng cả số lượng và chất lượng của sản phẩm nghiên cứu. Chính vì vậy, để Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN phát triển thành ĐHNC thì việc xây dựng và phát triển NNC có tính cấp bách và có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng chính là một trong những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cả trong đào tạo và nghiên cứu.

Với ý nghĩa đó bài viết này mong muốn làm rõ thực trạng xây dựng và phát triển NNC mạnh ở Trường ĐHKHXH&NV giai đoạn 2010 - 2015 để từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động KH&CN của Trường ĐHKHXH&NV nói riêng và của hoạt

động KH&CN tại Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng xây dựng và phát triển NNC mạnh ở Trường ĐHKHXH&NV, chúng tôi sử dụng phương pháp thông kê, điều tra, khảo sát, phân tích, tổng kết kinh nghiệm và lấy ý kiến chuyên gia.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra với 123 nhà khoa học gồm giảng viên, cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu của Trường ĐHKHXH&NV.

3. Tổng quan về hoạt động khoa học và NCKH của Trường ĐHKHXH&NV từ 2010 đến năm 2015

Với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới, ĐHQGHN trong đó có Trường ĐHKHXH&NV đang từng bước xây dựng, phát triển theo định hướng ĐHNC, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, coi hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm với mục tiêu: (1) Đi đầu trong vai trò phát triển các ngành KH&NV ở Việt Nam; (2) Tư vấn cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước (3) Phát triển các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực của Nhà trường [2, tr.4].

Về cơ cấu tổ chức của Nhà trường, tính từ năm 2010 đến nay đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng, với 41 đầu mối hoạt động và phục vụ hoạt động KH&CN gồm 16 khoa; 01 bộ môn trực thuộc; 8 phòng chức năng; 01 viện nghiên cứu; 11 trung tâm đào tạo, nghiên cứu; 02 trung tâm chức năng; 01 công ty; 01 bảo tàng. Số lượng các ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo được mở rộng cũng tạo nên sự phát triển mạnh về quy mô đào tạo và nghiên cứu.

Đội ngũ cán bộ của Trường đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tính từ năm 2010 đến nay, số giảng viên có chức danh GS, PGS tăng từ 70 lên 106 người (đạt 28.42% trong tổng số giảng viên toàn Trường), số giảng viên có trình độ TS tăng từ 138 lên 231 người (đạt trên 61.93% tổng số giảng viên). Đại đa số cán bộ giảng dạy của Trường có học vị đại học, thạc sĩ đang tham gia học cao học hoặc làm nghiên cứu sinh ở trong nước hoặc nước ngoài.

Từ năm 2010 đến năm 2015, các nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động khoa học của Trường đã được tăng lên đáng kể (Bảng 1). Điều đó cho thấy Trường ĐHKHXH&NV đã khá thành công trong việc đa dạng hoá nguồn kinh phí, phục vụ cho hoạt động khoa học và bồi dưỡng nhân lực của Nhà trường thông qua các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo với các viện, trường và các tổ chức trong nước, nước ngoài.

Bảng 1. Kinh phí đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động khoa học

(đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Nội dung	Năm					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	Từ nguồn ngân sách nhà nước		4.708	6.490	6.565	8.115	8.805
2	Từ nguồn quỹ nghiên cứu gắn với các chương trình nghiên cứu của Chính phủ	5.020	1.372	3.330	10.809	15.808	13.501
3	Từ nguồn dự án nước ngoài	2.486	2.163	4.153	3.468	4.074	1.823

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Tính từ năm học 2009 - 2010 đến năm học 2014 - 2015, Nhà trường đã và đang thực hiện 267 đề tài các loại, trong đó có 20 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước; 96 đề tài nghiên cứu cấp ĐHQGHN (trong đó có 31 đề tài trọng điểm nhóm A); 05 đề tài nghiên cứu theo nhu cầu địa phương; 22 đề tài nghiên cứu do các quỹ trong và ngoài nước tài trợ; 124 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở (đề tài cấp Trường); tổ chức 168 hội thảo, tọa đàm khoa học quốc tế và trong nước; công bố 3700 công trình khoa học trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo quốc tế và trong nước [3].

Nhìn một cách tổng thể, những kết quả nghiên cứu đạt được trong 6 năm qua đã chứng tỏ công sức, trí tuệ của các nhà khoa học và các nhà quản lý của Trường ĐHKHXH&NV. Mặc dù vậy, nếu nhìn nhận một cách khách quan thì những kết quả đó chưa tương xứng với những nguồn lực hiện có của Nhà trường (106 GS, PGS; 231 TS, TSKH; 267 đề tài các loại trong 6 năm), chưa phát huy được thế mạnh của đội ngũ cán bộ, các nhà khoa học; chưa tạo được sự gắn kết giữa các nhà khoa học để hình thành các NNC mạnh, nhiều NNC hoạt động cầm chừng, chưa hiệu quả, tỉ lệ các bài nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao (*ISI* và *Scopus*) chiếm tỉ lệ rất thấp.

Ngoài ra, những vấn đề về quá hạn nghiên cứu; sử dụng kết quả nghiên cứu; tạo mạng lưới liên ngành, liên kết trong nghiên cứu; đặc biệt, tính liên ngành của các sản phẩm NCKH là những vấn đề cần tiếp tục khắc phục.

4. Định hướng xây dựng và phát triển NNC của Trường ĐHKHXH&NV

Với nhận thức rằng, xây dựng và phát triển NNC mạnh là một trong những chủ trương, chương trình, mục tiêu lớn của ĐHQGHN và cũng là định hướng nghiên cứu trọng tâm của Trường, Trường ĐHKHXH&NV đã xác định các kế hoạch nghiên cứu dài hạn và tạo mọi điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển các NNC. Trong đó, Nhà trường chủ động phát triển các mô hình NNC theo hai hướng:

Thứ nhất, thành lập các NNC chính thức là các Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu, kết hợp với các nhà khoa học của các khoa và bộ môn nhằm tập trung nguồn lực để đạt được các kết quả NCKH có chất lượng cao và ảnh hưởng sâu rộng, tập trung được các cá nhân xuất sắc cũng như thu hút các nguồn lực trong và ngoài Trường cho các hoạt động NCKH

trọng điểm. Trong đó tập trung vào các hướng nghiên cứu mũi nhọn, phát huy thế mạnh của các nhà khoa học (1) Nghiên cứu, xác lập các vấn đề lý thuyết, học thuyết, quan điểm, phương pháp nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với xã hội Việt Nam; (2) Nghiên cứu, làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn, đóng góp thiết thực vào việc xác định con đường, mô hình phát triển đặc thù của Việt Nam; (3) Nghiên cứu các đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, đạo đức, lối sống người Việt Nam, điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái tác động đến biến đổi xã hội, các giai cấp, tầng lớp xã hội, các nhóm lợi ích, hệ giá trị Việt Nam, tạo cơ sở cho chính sách phát triển kinh tế đất nước, phát triển vùng miền; trong đó ưu tiên trú trọng đến vùng dân tộc thiểu số miền núi và nông thôn; (4) Nghiên cứu về đô thị hóa và quản lý đô thị, quản lý nông thôn trong quá trình đô thị hóa; (5) Nghiên cứu làm rõ các cơ sở pháp lý và lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt trú trọng về chủ quyền, biển đảo và tiềm năng, môi trường văn hóa, kinh tế biển; (6) Nghiên cứu so sánh và tổng kết kinh nghiệm ứng xử quốc tế của Việt Nam trong lịch sử, trong đó ưu tiên nghiên cứu, tổng kết quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực.

Thứ hai, Nhà trường cũng khuyến khích và đầu tư phát triển các nhóm nghiên cứu không chính thức (các nhóm “vệ tinh” nhỏ hơn và theo các “thủ lĩnh”) thông qua các đề tài, chương trình, dự án nghiên cứu. Đây là các NNC được hình thành từ các nhà khoa học đầu ngành, do sự tín nhiệm và do uy tín cá nhân mà được mọi người yêu mến hoặc ủng hộ, tạo thành các cơ cấu nhóm không chính thức.

Với chính sách phát triển NNC của ĐHQGHN và định hướng phát triển các NNC của Trường, đến nay Trường ĐHKHXH&NV đã hình thành được 11 tổ chức nghiên cứu chính thức là các NNC thuộc trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu, các khoa, bộ môn, trong đó có 4 NNC mạnh được ĐHQGHN công nhận và hàng chục NNC không chính thức.

Hoạt động của các NNC bước đầu đã tác động tích cực trong việc thúc đẩy, dẫn dắt hoạt động nghiên cứu trong Nhà trường, đặc biệt với

vai trò thu hút các nhà khoa học, tìm kiếm các nguồn tài trợ, xây dựng các định hướng nghiên cứu dài hạn, phù hợp với sự phát triển của đất nước và thế giới trong 6 năm qua, các NNC của Trường đã đầu thầu thành công nhiều dự án nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN, đề tài quỹ Nafosted và đề tài cấp Nhà nước. Nếu như trước năm 2009, Nhà trường chỉ có 6 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước được thực hiện thì kể từ năm 2010 đến nay, đã và đang thực hiện 20 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước.

Tuy nhiên, có một thực tế dễ nhận thấy là các NNC mạnh của Trường vẫn còn khiêm tốn. Với 4 NNC mạnh được ĐHQGHN công nhận là chưa tương xứng với nguồn lực hiện có của Trường. Mặc dù NNC không phải là mới đối với nhiều nhà khoa học, song làm thế nào để hình thành được các NNC và duy trì hoạt động của nhóm thực sự có hiệu quả vẫn là vấn đề chưa có giải pháp toàn diện. Để làm rõ vấn đề này trong phần dưới đây chúng tôi sẽ đi sâu phân tích thực trạng các NNC khoa học của Trường.

5. Thực trạng các NNC của Trường ĐHKHXH&NV

Trong phần này hoạt động của chúng tôi chưa có điều kiện phân tích toàn bộ các NNC trong Trường mà chủ yếu đi sâu phân tích đánh giá các NNC chính thức được Trường thành lập và được ĐHQGHN công nhận. Để xác định thực trạng các NNC của Trường ĐHKHXH&NV, chúng tôi tiến hành phân tích dựa trên các tiêu chí sau: (1) Trường NNC; (2) Cơ cấu và phương thức tổ chức hoạt động của NNC; (3) Kết quả của các NNC trong giai đoạn từ 2010 – 2015; (4) Điều kiện và môi trường làm việc của NNC. Kết quả thu được như sau:

a) Trường nhóm nghiên cứu

Từ việc tìm hiểu mô hình nghiên cứu của Trường, chúng tôi nhận thấy, yếu tố quan trọng dẫn đến thành công của các NNC là vai trò tập hợp lực lượng, huy động các nguồn kinh phí từ các tổ chức trong nước và nước ngoài của các

nhà NCKH đầu ngành, với những chương trình nghiên cứu có tính định hướng rõ ràng và cùng với đó là sự say mê trong khoa học.

Quan điểm cá nhân của một số nhà khoa học cũng cho thấy điều này:

Hộp 1: Trường NNC đóng vai trò quyết định

“*NNC là sự tập hợp tự nguyện của các cá nhân và tự nhiên về mặt khoa học nên vai trò của người đứng đầu là đặc biệt quan trọng. Người đứng đầu có vị trí tiên quyết trong việc xác định hướng nghiên cứu và hình thành NNC...*” [4].

“*...Trường nhóm phải tập hợp được đội ngũ, xác định được hướng đi và hướng phát triển cho nhóm. Trường nhóm chính là con chim đầu đàn dẫn dắt cả nhóm đi theo. Thành hay bại của NNC phụ thuộc rất nhiều vào người trường nhóm. Trường NNC thường là nhà khoa học tài năng, có năng lực nghiên cứu, có tư duy sáng tạo, nhạy bén trong khoa học và lại càng thuận lợi khi có uy tín cao cả ở trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, trường nhóm phải là người tâm huyết và có năng lực tổ chức, biết hy sinh, có khả năng ngoại ngữ và tổ chức làm việc của nhóm một cách phù hợp và khoa học...*” [1]

“*Giữ vai trò trường nhóm của các nhóm nghiên cứu mạnh phải là những nhà nghiên cứu có uy tín khoa học trong nước và quốc tế, có định hướng chiến lược lâu dài cho sự phát triển của nhóm, có tiềm năng mở ra những hướng nghiên cứu triển vọng tiếp theo [những hướng nghiên cứu đã định hình], có khả năng huy động nguồn đầu tư trong và ngoài nước*” [5]

Để xác định những yếu tố nào là quan trọng giúp người thủ lĩnh thành công trong việc phát triển NNC, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 123

nhà khoa học tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN và thu được kết quả như sau:

Bảng 2. Những yếu tố quan trọng đối với người thủ lĩnh

TT	Những yếu tố quan trọng đối với người thủ lĩnh	Tỷ lệ ủng hộ
	Chức danh/học vị cao	27,6%
	Có các công trình khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc nhận được các giải thưởng lớn (trong nước và quốc tế)	56,1%
	Có khả năng và uy tín để đăng ký chủ trì các đề tài khoa học lớn	84,6%
	Có quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài	69,9%
	Được đồng nghiệp kính trọng	65,9%
	Có năng lực tổ chức công tác NCKH	92,7%
	có khả năng vạch ra các hướng nghiên cứu mới	78,9%
	Huy động được các nhà nghiên cứu tham gia	72,4%
	Hoà nhập, dễ gần, cởi mở	45,5%
	Tạo được sự bình đẳng trong nhóm	69,9%

Kết quả khảo sát cho thấy, các yếu tố về năng lực nghiên cứu, năng lực tổ chức của người thủ lĩnh bao gồm “có năng lực tổ chức công tác NCKH” (92,7%) , “có khả năng và uy tín để đăng ký chủ trì các đề tài khoa học lớn” (84,6%), “có khả năng vạch ra các hướng nghiên cứu mới” (78,9%), “huy động được các nhà nghiên cứu tham gia” (72,4%), “có quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài” (69,9%),

“có các công trình khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc nhận được các giải thưởng lớn (trong nước và quốc tế)” (56,1%) được các nhà khoa học đánh giá rất cao. Như vậy năng lực là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự thành công của nhà khoa học nói riêng và NNC nói chung. Ngoài ra những yếu tố về phẩm chất như “tạo được sự bình đẳng trong nhóm” (69,9%), “được đồng nghiệp kính trọng”

(65,9%), “hoà nhập, dễ gần, cởi mở” (45,5%) cũng được cho là khá quan trọng đối với người thủ lĩnh của nhóm, còn yếu tố “chức danh/học vị cao” được cho là cần thiết đối với một người thủ lĩnh, nhưng không phải là yếu tố quyết định (tỷ lệ ủng hộ chỉ là 27,6%).

Như vậy, năng lực tổ chức nghiên cứu, thành tích NCKH và uy tín của Trưởng NNC đóng vai trò quyết định cho thành công của NNC. Bên cạnh đó, yếu tố chức danh, học vị của Trưởng nhóm mặc dù không phải là yếu tố quyết định xong lại có sự tương đồng với vai trò thủ lĩnh của nhóm. Với 11 NNC được chúng tôi khảo sát cho thấy các trưởng NNC đều có thành tích cao trong NCKH và có chức danh, học vị cao (GS, PGS, TS), đồng thời là những người có thâm niên công tác lâu năm, có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu.

Tuy nhiên, có một thực tế là, một số nhà khoa học vẫn đang cùng lúc tham gia nhiều đề tài, nhiều chức vụ quản lý dẫn đến các NNC thiếu đi sự đầu tư đúng mức về thời gian, công sức đối với hoạt động nghiên cứu. Bên cạnh đó, sự thiếu ổn định trong hoạt động của các NNC hiện vẫn còn là một vấn đề cần được quan tâm.

b) Cơ cấu và phương thức tổ chức nghiên cứu

- Cơ sở hình thành NNC:

Khảo sát thực tế các NNC của Trường, toàn bộ các NNC đều được hình thành và phát triển từ sự tập hợp, huy động lực lượng, tổ chức nghiên cứu của các trưởng NNC (nhà khoa học đầu ngành), các trưởng NNC thường xuất phát từ nhu cầu tự thân mà xây dựng các NNC của mình hướng đến mục tiêu là đạt được các giá trị cốt lõi, cụ thể là các sản phẩm, các công trình nghiên cứu được công bố và ứng dụng vào thực tiễn, đào tạo ra những thế hệ kế cận có trình độ và chuyên môn tốt. Đồng thời, hầu hết các NNC đều chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ trong và nước ngoài để duy trì hoạt động của Nhóm.

Bên cạnh đó, trong xu thế khoa học có sự phân ngành, liên ngành cao, việc tiến hành nghiên cứu các vấn đề cơ bản, những vấn đề cụ thể của từng chuyên ngành khoa học đòi hỏi các

nhà khoa học luôn đi tìm cái mới, các vấn đề chưa được giải quyết. Để giải quyết được những vấn đề như vậy, các nhà khoa học cần có cách nhìn và cách tiếp cận của nhiều ngành nghiên cứu khác nhau, đồng thời cũng cần có sự hỗ trợ tri thức cần thiết từ các nhà khoa học khác trong chính chuyên ngành nghiên cứu. Xuất phát từ tính phức tạp của vấn đề nghiên cứu, các nhà khoa học đã lựa chọn giải pháp làm việc cùng nhau. Chỉ có sự cộng tác giữa các nhà khoa học thông qua hoạt động nghiên cứu theo nhóm, các mối quan hệ xã hội trong hoạt động khoa học mới được củng cố, tạo được nhiều hành động tương tác, trao đổi những nội dung, công việc, chia sẻ phương tiện, nguồn tư liệu, nguồn lực cho quá trình nghiên cứu giữa những người có kinh nghiệm và những người chưa có kinh nghiệm. Đây có lẽ là động cơ quan trọng thúc đẩy việc hình thành nhóm các NNC [6].

Sự cộng tác giữa các nhà khoa học, sự tham gia của sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu giải quyết những vấn đề có tính phức tạp, trao đổi tri thức là khía cạnh quan trọng trong việc đẩy mạnh các hoạt động gắn kết giữa các nhà khoa học và sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Chính cấu trúc về mặt tổ chức của trường đại học là yếu tố quan trọng có tác động đến cách thức tạo dựng, duy trì, phát triển các mô hình NNC.

Mặc dù các NNC đều đạt được những kết quả nghiên cứu nhất định xong chỉ một số NNC mạnh được ĐHQGHN công nhận là các nhóm có nhiều thành tích trong nghiên cứu và duy trì được hoạt động nghiên cứu thường xuyên, đây là các nhóm có sự chủ động trong xây dựng định hướng nghiên cứu dài hạn, chia thành các kế hoạch trung hạn và thường niên, nội dung nghiên cứu gắn với những nhu cầu của thực tiễn, quy trình tổ chức quản lý chặt chẽ giúp cho nhóm có được sự thành công trong hoạt động nghiên cứu, chiếm lĩnh được nhiều đề tài trọng điểm, đề tài cấp nhà nước.

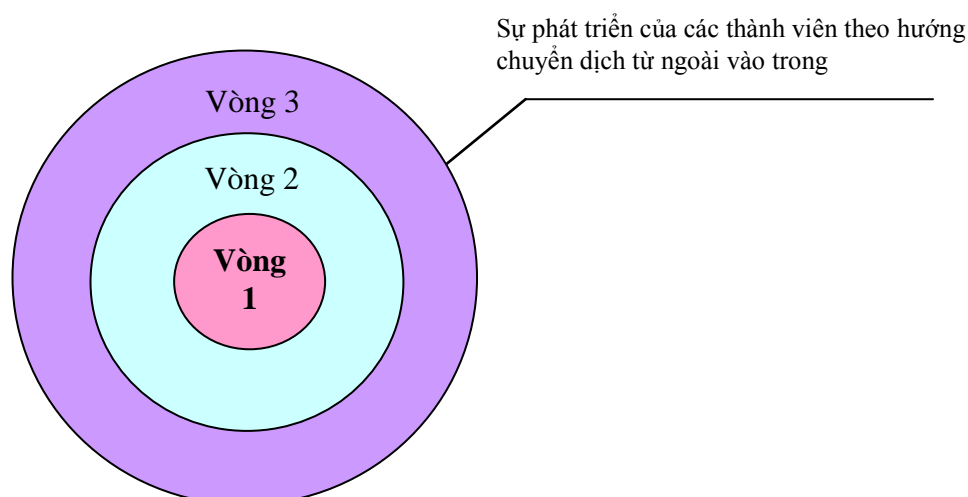
- Quy mô và thời gian hoạt động của các NNC:

Theo dữ liệu khảo sát, trong tổng số 11 NNC của Trường ĐHKHXH&NV cho thấy, hầu hết các NNC đều không có cán bộ nghiên cứu chuyên trách, thành viên của nhóm chủ yếu là các cán bộ, giảng viên, học viên được tập hợp từ các khoa đào tạo của Trường. Ngoài 4 nhóm nghiên cứu mạnh được ĐHQGHN công nhận có quy mô trên 7 thành viên hoạt động thường xuyên và tương đối hiệu quả còn lại hầu hết là các NNC có số thành viên ít ỏi, hoạt động không thường xuyên nhất là các NNC thuộc các trung tâm nghiên cứu. Theo báo cáo từ Phòng Tổ chức – Cán bộ và Phòng Quản lý NCKH, hầu hết các NNC của các trung tâm nghiên cứu là cán bộ quản lý kiêm nhiệm, cán bộ đã nhiều tuổi, chưa đào tạo được đội ngũ kế cận, thiếu sức hút đối với cán bộ giảng viên, SV, HVCH, NCS. Hoạt động báo cáo thường niên ít được thực hiện, hoặc có thực hiện cũng chỉ mang tính hình thức. Thậm chí có trung tâm nghiên cứu không có phó giám đốc, không có cán bộ văn phòng. Ngoài ra, có một thực tế đáng lo ngại là, với 231 giảng viên có trình độ tiến sĩ (*chiếm 61.93% tổng số giảng viên toàn Trường*), trong đó có 106 giảng viên có chức danh từ phó giáo sư trở lên (*chiếm 28.42% tổng số giảng viên*) nhưng không có nhiều giảng viên thực sự có có khả năng, uy tín để đăng ký chủ trì các đề tài khoa học lớn; có khả năng tổ chức nghiên cứu,

vạch ra các hướng nghiên cứu mới, huy động được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tham gia. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, ít có những giảng viên có được tiếng vang nhờ vào những thành tựu nghiên cứu xuất sắc.

- Cấu trúc của nhóm nghiên cứu

Từ việc phân tích 11 NNC của Trường, trong đó có 04 NNC mạnh được ĐHQGHN công nhận, chúng tôi nhận thấy một số NNC mạnh có cấu trúc tương đối chặt chẽ và có sự phân tầng rõ rệt. Các NNC này xây dựng cấu trúc theo triết lý vòng hạt nhân gồm 3 vòng tròn đồng tâm (*hình 1*). Vòng thứ nhất là vòng trung tâm gồm thủ lĩnh nhóm và các thành viên cốt cán có vai trò định hướng, tổ chức, chỉ đạo thực hiện các hoạt động nghiên cứu của nhóm, trong đó vai trò của người đứng đầu có ý nghĩa quyết định. Vòng thứ hai gồm những thành viên chịu trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể do vòng thứ nhất phân công. Các thành viên này hoạt động thường xuyên và là các giảng viên trẻ, nghiên cứu sinh hay học viên cao học của Trường. Vòng thứ 3 gồm những thành viên thường xuyên tham gia các hoạt động của nhóm, cộng tác chặt chẽ với nhóm trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Trong một số nhóm đã thu hút được các nhà khoa học quốc tế tham gia.



Hình 1. Cấu trúc của một NNC mạnh [7].

Bên cạnh một số NNC có cấu trúc chặt chẽ và gắn kết thì còn lại nhiều NNC do quy mô nhỏ, ít huy động được các nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh và học viên tham gia nên không có sự phân vai, vị trí, nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên. Tình trạng không có phó trưởng nhóm, hay không thu hút được các thành viên tham gia vào nhóm diễn ra phổ biến. Đặc biệt, việc thiếu cán bộ kế thừa cũng là một trong những rào cản đối với việc đầu tư dài hạn cho các NNC khi mà tính kế thừa của nhóm bị gián đoạn.

c) Kết quả nghiên cứu

Các nhiệm vụ thuộc các chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước là nhóm nhiệm vụ có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn đặc biệt quan trọng, được đầu tư kinh phí lớn, có tính liên ngành cao, huy động được đông đảo cán bộ và học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia dưới sự chủ trì của chủ nhiệm đề tài. Nếu như giai đoạn 2009 trở về trước Nhà trường có 07 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước được thực hiện thì giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015 (bảng 3), Trường ĐHKHXH&NV đã và đang thực hiện 20 đề tài cấp Nhà nước. Có thể coi đây là

một bước tiến quan trọng trong hoạt động NCKH của Trường. Đặc biệt, trong 20 đề tài cấp Nhà nước có đến 17 đề tài do các thành viên chủ chốt của các NNC thực hiện, chiếm 85%. Trong số những nhiệm vụ cấp ĐHQGHN thì các nhiệm vụ thuộc các đề tài trọng điểm (đề tài nhóm A) đóng vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần tích cực tham gia giải quyết nhiều vấn đề khoa học mũi nhọn của ngành và các địa phương. Tính từ năm 2010 đến năm 2015, Trường ĐHKHXH&NV có 32 đề tài được triển khai thực hiện. Trong đó có 50% số đề tài trọng điểm do các thành viên chủ chốt của NNC thực hiện.

Ngoài ra, trong giai đoạn này Nhà trường đã và đang thực hiện 64 đề tài cấp Đại học Quốc gia (đề tài nhóm B); 22 đề tài do các quỹ tài trợ; 5 đề tài gắn với nhu cầu của địa phương và 124 đề tài cấp cơ sở. Trong đó, có 14 đề tài nhóm B (chiếm 21,86%); 8 đề tài do các quỹ tài trợ (chiếm 36,36%); 4 đề tài gắn với nhu cầu của địa phương (chiếm 80 %); 3 đề tài cấp cơ sở (chiếm 2,42%) các thành viên chủ chốt của các NNC thực hiện.

Bảng 3. Đề tài các cấp Trường (giai đoạn 2010 – 2015)

Đề tài	Số lượng	Tổng số đề tài do thành viên chủ chốt của nhóm chỉ đạo thực hiện	Tổng số đề tài của Trường
Cấp nhà nước		17	20
Trọng điểm cấp ĐHQGHN(nhóm A)		16	32
KHCN cấp ĐHQGHN (nhóm B)		14	64
Quỹ tài trợ		8	22
Cấp địa phương		4	5
Cấp cơ sở		3	124
Tổng cộng		62	267

(Nguồn: Phòng Quản lý NCKH)

Từ số liệu trên cho thấy, những đề tài NCKH lớn có tính liên ngành cao như đề tài cấp Nhà nước, đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN, đề tài gắn với nhu cầu của địa phương đều được thực hiện bởi các NNC, thay vì cá nhân nghiên cứu độc lập. Điều này một lần nữa đã khẳng định NNC có vai trò đặc biệt

quan trọng trong việc dẫn dắt hoạt động NCKH của Nhà trường. Với những kết quả đạt được đã thể hiện sự nỗ lực của các NNC và phần nào cho thấy tính hiệu quả trong định hướng nghiên cứu trọng tâm của Trường.

d) Điều kiện làm việc của các NNC

- Về cơ sở vật chất:

Thực tế các NNC của Trường ĐHKHXH&NV cho thấy, có lẽ do yếu tố đặc thù của lĩnh vực nghiên cứu về KHXH&NV không đòi hỏi quá cao về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị như những lĩnh vực khoa học khác. Nếu như đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ, Y sinh học... để các NNC có thể hoạt động đòi hỏi phải đầu tư các phòng thí nghiệm lớn với các thiết bị chuyên dụng với số tiền lên đến nhiều tỉ đồng thì đối với lĩnh vực KHXH&NV hầu hết các nhóm nghiên cứu đều sử dụng các trang thiết bị thông thường như máy tính, bàn ghế, nguồn tư liệu... Và hầu hết các NNC đều khai thác các trang thiết bị của cá nhân nhà khoa học và các trang thiết bị của khoa, bộ môn, trừ một số NNC thuộc các trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu được đầu tư trang thiết bị riêng.

- Về tài chính của nhóm nghiên cứu

Nguồn kinh phí của các NNC đều xuất phát từ các nguồn kinh phí được cấp dựa trên việc thực hiện các dự án/đề tài nghiên cứu từ cơ quan chủ quản, đồng thời các NNC chủ động tìm kiếm nguồn kinh phí để mở rộng hoạt động nghiên cứu của nhóm thông qua việc đấu thầu các đề tài trọng điểm, đề tài cấp nhà nước... Bên

cạnh đó các NNC còn huy động nguồn kinh phí thông qua các chương trình đào tạo, huấn luyện, các chương trình hợp tác, các chương trình/dự án quốc tế. Toàn bộ các NNC hoạt động theo nguyên tắc tự hoạch toán, chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, các đề tài, dự án để tham gia tuyển chọn trong các chương trình KHCN của Nhà nước và hoặc ký hợp đồng nghiên cứu với các địa phương, công ty ...

- Sự hỗ trợ của các cấp quản lý

Đối với bất kỳ NNC khoa học nào trong các trường đại học, sự định hướng và quản lý của Nhà trường, đặc biệt là của các nhà lãnh đạo có vai trò không nhỏ trong sự thành công của các NNC. Từ khảo sát thực tế cho thấy việc tạo cơ chế, môi trường và phương tiện làm việc, xây dựng chính sách và những đãi ngộ đối với NNC, kèm với đó là định hướng nghiên cứu của các NNC gắn với chiến lược phát triển của Nhà trường là các yếu tố quan trọng để thúc đẩy hoạt động khoa học của các NNC. Bên cạnh đó, việc đầu tư ban đầu cho hoạt động của các NNC cũng là yếu tố được các nhà khoa học cho là cần thiết, giúp cho những NNC có thể củng cố được vị trí của mình, đặc biệt là những NNC mới.

Quan điểm của một số nhà khoa học cũng cho thấy rõ điều này:

Hộp 2. Vai trò của nhà quản lý

"...Đổi mới nghiên cứu phải đồng bộ từ cá nhân và tổ chức. Tổ chức phải có sự đầu tư, cập nhật trong quản trị nghiên cứu khoa học (NCKH). Bấy lâu nay ta vẫn chỉ đầu tư nhỏ giọt, chưa tập trung nguồn lực. Cá nhân các chuyên gia đầu ngành đứng đầu các NNC mạnh, tổ chức phải tập hợp các chuyên gia giỏi để thực hiện các nghiên cứu liên ngành thì mới có thể thực hiện đổi mới thành công..." [8]

"...lãnh đạo trường đại học phải có tầm nhìn và chính sách thỏa đáng đầu tư cho NNC vì nếu có các nhà khoa học đầu ngành mà không có đầu tư sẽ không có các NNC mạnh; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát hiện những nhân tố mới để xây dựng đội ngũ các nhà khoa học..." [9]

"...để một NNC trở thành một NNCM, cần được đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phòng thí nghiệm một cách đồng bộ. Trong phần đầu tư trang thiết bị lớn cần có khoản kinh phí nhỏ duy trì hoạt động thường xuyên..." [5]

6. Kinh nghiệm xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu trên thế giới

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của trường đại học RMIT của Australia trong việc xây dựng và

phát triển các NNC, chúng tôi nhận thấy rằng có những điểm khác biệt khá lớn mà Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN có thể tham khảo trong quá trình xây dựng và phát triển NNC, cụ thể:

Thứ nhất, ở trường đại học này hoạt động NCKH của các nhóm nghiên cứu luôn phù hợp và gắn liền với hoạt động chuyên môn của các Khoa có liên quan và chiến lược phát triển chung của Nhà trường [10]. Trong đó, hoạt động của các NNC phải giúp tăng cường chương trình giảng dạy đại học và sau đại học; tăng cường văn hóa nghiên cứu; hỗ trợ đội ngũ giảng viên và sinh viên, học viên, NCS tham gia cộng tác nghiên cứu trong các đề tài/dự án của Nhóm [11]. Trong khi, ở Trường

ĐHKHXH&NV các NNC hoạt động khá tách biệt với hoạt động chuyên môn của khoa; ít có sự tham gia của các NCS, HVCH và sinh viên.

Thứ hai, ở trường đại học này các nhóm nghiên cứu được xây dựng dựa trên các tiêu chí rất rõ về nhân lực, năng lực nghiên cứu thông qua các kết quả nghiên cứu xuất sắc của các thành viên chủ chốt và nguồn tài chính mà các thành viên đã đạt được để đảm bảo nhóm có đủ khả năng hoạt động trong một giai đoạn tối thiểu là 3 – 5 năm.

Hộp 3. Tiêu chí^(*) xây dựng NNC [10]

- Tối thiểu 3 thành viên nòng cốt là cán bộ nghiên cứu: các thành viên này phải có tổng cộng ít nhất 15 kết quả nghiên cứu trong 3 năm trước đó, thuộc danh mục các nghiên cứu xuất sắc của Úc do ERA (Excellence Research in Australia) xếp hạng.

- Thành viên nòng cốt của một nhóm thuộc lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và y tế phải có ít nhất 300.000 đô la nguồn thu nhập từ nghiên cứu bên ngoài trong 3 năm trước đó. Những thành viên nòng cốt của nhóm thuộc lĩnh vực kinh doanh, khoa học xã hội, nhân văn, thiết kế và sáng tạo nghệ thuật phải có ít nhất 150.000 đô la nguồn thu nhập từ nghiên cứu bên ngoài trong 3 năm trước đó.

- Thông thường mỗi thành viên nòng cốt phải được chứng nhận đã hoàn thành việc hướng dẫn học viên nghiên cứu liên tục trong thời gian tối thiểu 1 năm học (tương đương 2 học kỳ, với 96 điểm tín chỉ tích lũy được).

^(*) Các tiêu chí này cao hơn rất nhiều nếu NNC muốn phát triển thành trung tâm nghiên cứu.

Đồng thời NNC phải xây dựng được một kế hoạch nghiên cứu cụ thể trong giai đoạn hoạt động của nhóm trên cơ sở trả lời 4 câu hỏi: (1) Nhóm nghiên cứu kỳ vọng đạt được điều gì? (2) Các hoạt động được đề xuất để đáp ứng các mục tiêu đề ra là gì?; Các hoạt động của Nhóm phù hợp thế nào với kế hoạch nghiên cứu và đổi mới của Trường? (3) Kết quả mà nhóm nghiên cứu hy vọng sẽ cung cấp là gì? (4) Thời gian cụ thể để nhóm hoàn thành từng mục tiêu là khi nào? Trong đó nhóm sẽ phải thực hiện các mục tiêu theo quy định của Trường bao gồm: Có được tài trợ từ bên ngoài để tập trung nghiên cứu; Tăng cường và hỗ trợ đào tạo nghiên cứu; Hỗ trợ và phát triển môi trường nghiên cứu chất lượng cao; Phát triển đối tác để tăng cường hiệu quả hoạt động; Tiếp thị và quảng bá về nhóm; Hỗ trợ các nhà nghiên cứu mới bước vào nghề. Trong khi, ở Trường ĐHKHXH&NV chưa có được chính sách, cũng như những tiêu chí rõ ràng đối với việc thành lập các NNC.

Thứ ba, ở trường đại học này các NNC phải nộp báo cáo thường niên và cập nhật kế hoạch nghiên cứu trong giai đoạn hoạt động của nhóm (3 – 5 năm) để Hội đồng Nhà trường xem xét, đánh giá. NNC có thể bị giải thể bất cứ khi nào nếu mục đích mà nhóm được thành lập đã hoàn thành hoặc Hội đồng thẩm định khuyến nghị rằng nhóm không còn đáp ứng được các tiêu chuẩn kể từ khi được thành lập hoặc lĩnh vực trọng tâm của NNC không còn là chiến lược ưu tiên của Trường [10]. Trong khi, ở Trường ĐHKHXH&NV hoạt động này của các NNC còn hạn chế, việc kiểm tra, giám sát cũng chưa thật chặt chẽ.

Thứ tư, ở trường đại học này các NNC được hỗ trợ hành chính, yêu cầu về vốn, bảo trì thiết bị và nâng cấp, các chuyến đi nghiên cứu liên quan và các tài nguyên khác [10] thì ở Trường ĐHKHXH&NV mức độ hỗ trợ cho các NNC vẫn còn hạn chế.

7. Các biện pháp xây dựng và phát triển NNC mạnh ở Trường ĐHKHXH&NV

7.1. Định hướng hoạt động đào tạo và NCKH gắn liền với các NNC

Đề phát huy được thế mạnh của Nhà trường trong lĩnh vực KHXH&NV, vấn đề xác định nhiệm vụ và định hướng cho hoạt động NCKH gắn liền với các NNC đóng vai trò quyết định, để giải quyết vấn đề này chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số đề xuất chính như sau:

1- Tập trung đầu tư vào các hướng nghiên cứu của NNC đã và sẽ phát huy được thế mạnh như: Nghiên cứu chính sách và quản lý; Nghiên cứu biên đảo; Nghiên cứu lịch sử và thương mại châu Á; Nghiên cứu Trung Quốc; Nghiên cứu công tác xã hội và an sinh xã hội; Nghiên cứu tâm lý và sức khỏe cộng đồng; Nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng và ngôn ngữ học đối chiếu; Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam; Nghiên cứu Tôn giáo, con người và văn hoá tư tưởng... Ngoài việc xác định các hướng nghiên cứu mũi nhọn, các NNC phải là nơi tập trung các nguồn lực nghiên cứu nhất là các cá nhân xuất sắc để đạt được các kết quả NCKH có chất lượng cao, có ảnh hưởng sâu rộng. Các NNC phải là nơi thúc đẩy các sáng kiến mới, đặc biệt là trong những lĩnh vực nghiên cứu đa ngành đang được quan tâm; tìm kiếm các nguồn lực bên ngoài để phát triển các chương trình nghiên cứu trong nhà trường. Thông qua thực hiện các chương trình nghiên cứu, các NNC cung cấp các chương trình giáo dục và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và các kỹ năng liên quan, đặc biệt là đối với sinh viên đại học và học viên sau đại học; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác đa ngành giữa các học giả và đối tác. Thông qua mạng Internet và quá trình trao đổi thông tin các NNC cũng thực hiện chuyển giao các kinh nghiệm, kỹ năng và phương pháp cho các đơn vị trong Nhà trường, cung cấp các khóa đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn, phổ biến tri thức khoa học qua các ấn phẩm, hội thảo, bài giảng,...

2- Tăng cường giao lưu, liên kết với các tổ chức nước ngoài, tranh thủ tìm kiếm và khai thác các nguồn kinh phí từ các đối tác và các tổ chức quốc tế phục vụ cho hoạt động NCKH nói chung và các NNC nói riêng.

3- Khuyến khích những hướng nghiên cứu mới, ưu tiên mở các đề tài kết hợp nghiên cứu liên ngành, đa ngành, qua đó góp phần xây dựng một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế; đồng thời thực hiện đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn lực cán bộ khoa học xã hội và nhân văn

4- Nghiên cứu các vấn đề lý luận và cơ sở khoa học về khoa học xã hội và nhân văn để tư vấn cho Đảng và Chính phủ trong quá trình hoạch định chính sách khoa học và đào tạo.

5- Phát huy thế mạnh của Nhà trường trong nghiên cứu cơ bản, tăng cường nghiên cứu ứng dụng và triển khai những vấn đề mà xã hội quan tâm, trực tiếp góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

6- Hoàn thiện cơ cấu 5/3/2 (Đào tạo/ NCKH/ Dịch vụ) để tăng cường hiệu quả của NCKH. Bản chất của cơ cấu này là việc phân bổ các nguồn lực nhằm thực hiện 3 chức năng chính là đào tạo, NCKH và phục vụ xã hội. Ở đây việc đầu tư cho hoạt động đào tạo chiếm 50%. Ngoài việc truyền bá tri thức thông qua hoạt động đào tạo thì việc sáng tạo ra tri thức thông qua hoạt động NCKH đóng vai trò đặc biệt quan trọng, việc đầu tư này chiếm 30%. Thực tế ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động đào tạo của nhà trường căn cứ trên đầu sinh viên, và ngân sách này thường là một nguồn ổn định, ngoài ra ngân sách phục vụ cho hoạt động khoa học thực tế mới là hỗ trợ thêm. Do vậy nguồn kinh phí này là không đủ cho các hoạt động của nhà trường nên việc đầu tư làm dịch vụ (dịch vụ đào tạo, dịch vụ NCKH...) thông qua các hợp đồng thực hiện dự án nhằm tăng nguồn thu cho các hoạt động của nhà trường cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng, tỷ lệ này chiếm 20%.

Việc xác định tỷ lệ 5/3/2 không phải là một công thức bất biến và có thể áp dụng cho bất cứ trường đại học nào. Đây chỉ là một mô hình cơ cấu lý tưởng để các trường đại học vươn tới, do vậy việc xác định tỷ lệ này cần căn cứ vào thực tiễn các nguồn lực khoa học hiện có của mỗi trường.

7- Ngoài ra, Nhà trường cũng cần tập trung đầu tư cho các NNC hình thành từ các chương trình, dự án, đề án, các NNC này gắn với các khoa, bộ môn chuyên môn của Trường. Nhiệm vụ trọng tâm của những NNC này là giải quyết các vấn đề nghiên cứu nằm trong kế hoạch phát triển của Nhà trường.

7.2. Khai thác và đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ khoa học mạnh cả về số lượng, trình độ và năng lực

Trường ĐHKHXH&NV được đánh giá là cơ sở đào tạo, NCKH có tiềm lực lớn. Với đội ngũ các nhà khoa học vào loại mạnh nhất của cả nước hiện nay, Trường đang có nhiều ưu thế trong việc phát triển các hoạt động khoa học và đào tạo. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu mà Trường đã đạt được chưa tương xứng với các nguồn lực đó. Chúng ta vẫn cần xây dựng những đề tài có tính liên ngành và tính thực tiễn cao. Vấn đề ở đây không phải là hiệu ứng số đông mà chính là ở việc khai thác nguồn lực và phát huy nguồn lực hiện có như thế nào. Thực tế cho thấy, trong những năm vừa qua các đề tài và dự án lớn mang đi dự thầu không thành công là do được xây dựng từ ý tưởng cá nhân, một đơn vị đơn lẻ nên mục đích, nội dung nghiên cứu, tính thực tiễn, giá trị khoa học, tính liên ngành còn có những hạn chế. Ngoài ra, danh sách các thành viên tham gia đề tài, dự án chỉ mang ý nghĩa hình thức sao cho “phù hợp” với các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Theo chúng tôi đây có lẽ là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc đội ngũ cán bộ khoa học trong Trường chưa đầu thầu thành công nhiều đề tài, chương trình, dự án lớn.

Từ những hạn chế trên, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp đối với trường

ĐHKHXH&NV trong việc khai thác và phát triển đội ngũ cán bộ như sau:

1- Tổ chức những nhóm chuyên gia chuyên ngành, liên ngành để hỗ trợ, tư vấn cho Nhà trường trong việc xây dựng các dự án, đề tài khoa học có tính trọng điểm. Đồng thời, Nhà trường có những chính sách phù hợp để khai thác tiềm năng khoa học của các nhà khoa học đã nghỉ hưu, nhằm phục vụ cho nhiệm vụ trên, gắn quyền lợi và trách nhiệm của họ trong hoạt động khoa học của Nhà trường. Chính những chuyên gia này phải là những “thủ lĩnh” gắn kết và dẫn dắt thế hệ trẻ, tuyên bá phương pháp, tri thức cho thế hệ trẻ, giúp họ có đủ năng lực và tự tin trong việc đứng ra chủ trì những đề tài, dự án lớn.

2- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo đạt chuẩn đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, với quy mô hợp lý và cơ cấu đồng bộ về chuyên môn, trình độ, độ tuổi và giới tính, có kế thừa và phát triển, trong đó đặc biệt chú trọng bồi dưỡng những nhà khoa học đầu ngành tương lai, tạo môi trường thuận lợi để họ phát huy năng lực và lòng nhiệt huyết trong khoa học.

3- Chú trọng bồi dưỡng đào tạo cán bộ nghiên cứu trẻ, mạnh dạn giao các nhiệm vụ về NCKH và giảng dạy, thậm chí là tham gia giảng dạy các chương trình liên kết với nước ngoài để học tập trau dồi kinh nghiệm, tạo điều kiện về mặt thời gian kinh phí cho các cán bộ trẻ đi dự các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế. Mạnh dạn để các cán bộ trẻ trình bày các bài báo khoa học tại các hội nghị, giúp học tự tin và trưởng thành hơn về mọi mặt, nhất là về mặt kiến thức chuyên môn và phương pháp tư duy khoa học.

4- Tạo cơ hội và những điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia đều đặn các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước, thực hiện chế độ định kỳ nghỉ giảng dạy để các giảng viên có thời gian trau dồi, học tập, NCKH, trao đổi học thuật và nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

7.3. Xây dựng chính sách đồng bộ, phù hợp

Nhằm quản lý chặt chẽ, hiệu quả hoạt động khoa học của nhà trường, đồng thời đề xuất một số vấn đề liên quan đến chủ trương, chính sách đối với ĐHQGHN và Nhà trường để tạo dựng và phát triển các NNC, đặc biệt là các NNC mạnh, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị cụ thể như sau:

1- ĐHQGHN cần xây dựng các chính sách cụ thể đối với việc xây dựng và phát triển các NNC; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học của các NNC trên cơ sở bám sát vào những đóng góp trực tiếp của các NNC ở các phương diện sau:

+ Xây dựng điều kiện thuận lợi và thúc đẩy các nghiên cứu đa ngành và liên ngành, song song với phát triển cơ sở hạ tầng và khả năng hợp tác nghiên cứu;

+ Thành công trong việc thu hút các nguồn tài trợ bên ngoài;

+ Sự tiến bộ của các dự án hỗ trợ và bồi dưỡng NCKH sinh viên;

+ Các đóng góp cho các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu của Trường và xã hội;

+ Ứng dụng các tri thức khoa học ra ngoài cộng đồng;

+ Quảng bá hình ảnh của Trường và tăng cường liên kết với các lĩnh vực tư nhân cũng như lĩnh vực công.

2- ĐHQGHN cần xây dựng chính sách đặc biệt nhằm thu hút nhân tài, các cán bộ nghiên cứu trẻ được đào tạo cơ bản tại trường đại học uy tín ở nước ngoài.

3- Trường ĐHKHXH&NV cần tăng cường công tác quản lý hoạt động khoa học của các NNC, nhất là các trung tâm nghiên cứu. Hàng năm, các trung tâm nghiên cứu phải thực hiện nghiêm quy định đệ trình một bản báo cáo hoạt động khoa học cho Nhà trường, trong đó, phải thể hiện chi tiết: hoạt động của trung tâm và đội ngũ nhân viên, gồm cả các thành quả nghiên cứu, các hoạt động đào tạo sau đại học và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động NCKH (như các hội thảo, tọa đàm, thảo

luận,...) và tình hình tài chính của trung tâm nghiên cứu. Đồng thời, trong báo cáo đó cũng phải đưa ra những kế hoạch và những kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của trung tâm.

4- Trường ĐHKHXH&NV cần thành lập một hội đồng thẩm định, đánh giá hoạt động khoa học của các NNC, trung tâm nghiên cứu theo định kỳ hàng năm nhằm đảm bảo các hoạt động NCKH phù hợp với các mục tiêu của Nhà trường.

Thực hiện đánh giá nghiêm túc hoạt động NCKH của các NNC, trung tâm nghiên cứu trên cơ sở kiểm tra các kết quả thực hiện của NNC, trung tâm, bản báo cáo sẽ là bằng chứng đánh giá chất lượng của các NNC, trung tâm nghiên cứu với các tiêu chí xác thực. Việc phân tích những mặt mạnh mặt yếu, phân tích các định hướng tương lai của các NNC, Trung tâm nghiên cứu, và đề xuất các biện pháp sẽ góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả của các NNC và Trung tâm nghiên cứu. Bên cạnh bản báo cáo tự đánh giá của trung tâm nghiên cứu, Hội đồng thẩm định nhà trường cũng sẽ chuẩn bị một bản đánh giá chi tiết về NNC, Trung tâm nghiên cứu và hoạt động của nó, đồng thời đưa ra đề nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nhóm, trung tâm nghiên cứu hay thậm chí là giải thể một số NNC, trung tâm nghiên cứu hoạt động không hiệu quả.

5- Trường ĐHKHXH&NV cần hoàn thiện hệ thống chính sách, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để tất cả giảng viên, cán bộ khoa học đều có thể chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu. Xây dựng các hướng nghiên cứu liên ngành, đa ngành tạo cơ sở hình thành các NNC mạnh, đó chính là phương cách, hiệu quả tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa NCKH và đào tạo, đặc biệt là sau đại học

6- Trường ĐHKHXH&NV cần tạo chính sách để thu hút học viên sau đại học, nhất là nghiên cứu sinh tham gia thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu của cán bộ hướng dẫn, qua đó là tham gia vào các NNC của cán bộ hướng dẫn.

8. Kết luận và khuyến nghị

Một trong những vấn đề thường đặt ra khi xây dựng và phát triển NNC là những yếu tố nào đóng vai trò quyết định cho việc xây dựng và phát triển NNC. Với tư cách là một trường đại học, là nơi giao thoa của ba chức năng đào tạo, NCKH và phục vụ xã hội thì sự góp mặt của các NNC đặc biệt là những NNC mạnh đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Khảo sát chủ trương, chính sách của Trường ĐHKHXH&NV đối với sự hình thành và phát triển các NNC cũng như thực tế hiệu quả hoạt động của chúng, chúng tôi rút ra một số kết luận và khuyến nghị như sau:

1- Việc xây dựng và phát triển các NNC mạnh trong các trường đại học hiện nay được các nhà khoa học đánh giá là một xu hướng tất yếu đối với bất kỳ trường đại học nào.

2- NNC đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc:

+ Huy động các nguồn lực nghiên cứu để đạt được các kết quả NCKH có chất lượng cao và ảnh hưởng sâu rộng, tập trung được các cá nhân xuất sắc cũng như thu hút các nguồn lực trong Trường cho các hoạt động NCKH được đánh giá cao

+ Thúc đẩy các sáng kiến mới đặc biệt là trong những lĩnh vực nghiên cứu đa ngành đang được quan tâm;

+ Tìm kiếm các nguồn lực bên ngoài để phát triển các chương trình nghiên cứu trong nhà trường;

+ Cung cấp các chương trình giáo dục và rèn luyện trong hoạt động nghiên cứu và các kỹ năng liên quan, đặc biệt là đối với sinh viên đại học và sau đại học;

+ Phổ biến tri thức khoa học qua các ấn phẩm, hội thảo, bài giảng,....;

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác đa ngành giữa các học giả và đối tác thông qua mạng Internet và quá trình trao đổi thông tin;

+ Chuyển giao các kinh nghiệm và công nghệ cho các đơn vị trong nhà trường;

+ Cung cấp các khóa đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn.

3- Để hình thành và phát triển các NNC, đặc biệt là các NNC thực sự có tầm ảnh hưởng khu vực và quốc tế thì các yếu tố quan trọng là:

- Có được nhà khoa học đầu đàn có kiến thức chuyên môn sâu, có kiến thức tổng hợp liên ngành, đủ sức huy động các nhà khoa học, đặc biệt là những nhà khoa học trẻ, nghiên cứu sinh, tham gia vào các hoạt động khoa học

- Có sự định hướng khoa học đúng, phù hợp với xu hướng quốc tế và phục vụ thiết thực cho sự phát triển của Việt Nam

- Có được môi trường khoa học thuận lợi (cơ chế chính sách đồng bộ, phù hợp, đầy đủ trang thiết bị, nguồn thông tin, tư liệu)

- Có quan hệ hợp tác tốt với các tổ chức trong và ngoài nước, huy động được các nguồn lực hỗ trợ từ chính các tổ chức này

- Sự tự nguyện của các thành viên

4- Thực tế hoạt động khoa học của Trường ĐHKHXH&NV đã cho thấy những kết quả đã đạt được là công sức, trí tuệ, tâm huyết của các nhà khoa học và các nhà quản lý của Nhà trường. Những kết quả này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận đối với mỗi ngành cụ thể mà còn đáp ứng yêu cầu cấp thiết của xã hội. Nhiều công trình không chỉ có ý nghĩa về mặt học thuật mà còn phục vụ thiết thực cho việc xây dựng chính sách của Đảng và Chính phủ về các hoạt động văn hoá, ngôn ngữ, chính sách dân tộc, hoạch định biên giới, xác định chủ quyền lãnh thổ... Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa tương xứng với những nguồn lực hiện có của Nhà trường. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là thiếu vắng những NNC mạnh.

5- Ngoài ra hoạt động khoa học của một số NNC trong Nhà trường cũng đã có những đóng góp không nhỏ trong việc xây dựng các đề tài, dự án, đặc biệt đã thu hút được một số dự án lớn liên kết với các tổ chức quốc tế góp phần thúc đẩy trao đổi kinh nghiệm cũng như các hợp tác nghiên cứu đa ngành trong nước và

quốc tế. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những bước đi ban đầu trong việc thành lập các NNC để thu hút những nhà khoa học đầu ngành, đầu đàn, cán bộ trẻ, học viên sau đại học và một số nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia vào hoạt động khoa học nhằm giải quyết một vài lĩnh vực chuyên môn của khoa học xã hội và nhân văn.

6- Thực tế thiếu vắng các NNC mạnh là do các nhà khoa học chưa tích cực hợp tác, gắn kết với nhau. Ngoài lý do thuộc về tâm lý cá nhân, cục bộ thì nguyên nhân chủ yếu là hiệu quả thấp của sự hợp tác gắn kết nêu có. Trường hợp ngược lại, muốn có hiệu quả cao của sự gắn kết cần phải có chính sách bồi dưỡng, sử dụng các nhà khoa học đầu đàn, kèm theo cơ chế tạo lập và vận hành các NNC một cách hợp lý, nhằm phát huy hiệu quả các nguồn lực NCKH.

Sáu điểm nêu trên cũng đồng thời vừa là kết luận, vừa là những đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả của cá nhân và tập thể trong hoạt động NCKH, hướng tới mục tiêu xây dựng Trường ĐHKHXH&NV thành một trường ĐHNC, ngang tầm với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Trọng Thi, 2009, Báo cáo tại phiên họp thường kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của ĐHQGHN.
- [2] Chiến lược phát triển Trường ĐHKHXH&NV đến năm 2020 tầm nhìn 2030, ngày 14 tháng 5 năm 2015
- [3] Báo cáo tổng kết từ năm học 2009 – 2010 đến 2014-2015 và phương hướng nhiệm vụ từ năm học 2010 – 2011 đến 2015-2016 của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.
- [4] Trương Quang Học, 2008, Kinh nghiệm xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu Truy cập ngày 24/3/2016, từ <https://www.vnu.edu.vn/210/210p19-21.pdf>
- [5] Phạm Hùng Việt, 2015, Xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong trường đại học. Truy cập ngày 22/4/2016 từ <http://tiasang.com.vn/-quan-ly-khoa-hoc/xay-dung-va-phat-trien-nhom-nghien-cuu-manh-trong-truong-dai-hoc-8833>
- [6] Trần Văn Kham, 2004, Luận văn thạc sĩ “Hợp tác Nghiên cứu trong cộng đồng khoa học hiện nay”.
- [7] Phòng vấn PGS.TS Nguyễn Văn Kim, Trường NNC Lịch sử và Thương mại Châu Á về kinh nghiệm xây dựng và phát triển NNC, ngày 11/04/2014.
- [8] Đinh Văn Đức, 2014, Đổi mới nghiên cứu phải đồng bộ từ cá nhân và tổ chức. Truy cập ngày 16/4/2016, từ <https://vnu.edu.vn/home/?C2578/N15423/GS.-dinh-Van-duc:-doi-moi-nghien-cuu-phai-dong-bo-tu-ca-nhan-va-to-chuc.htm>.
- [9] Nguyễn Đình Đức, 2014, Phát triển nhóm nghiên cứu trong trường đại học – Xu thế tất yếu”. Truy cập ngày 15 tháng 11 năm 2015, từ <http://vov.vn/xa-hoi/phat-trien-nhom-nghien-cuu-trong-truong-dh-xu-the-tat-yeu-325151.vov>
- [10] Establishment of research groups procedure, Rmit University
- [11] Research groups: Functional Materials and Microsystems, Information Security and Network Science, International Development and Trade Research Group, Laboratory of Artificial Intelligence Nanophotonics (LAIN), Research group: Market Behaviour and Strategy, Non/fictionLab, Theoretical Chemical and Quantum Physics, Applied Electromagnetics and Radiation Physics, Truy cập từ <http://www.rmit.edu.au/research/research-institutes-centres-and-groups/research-groups>

Building and Developing Excellent Scientific Working Groups in VNU University of Social Sciences and Humanities: Issues and Solutions

Dao Minh Quan

*VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Research and training practices in universities show that scientific working groups (SWGs), especially excellent SWGs, play an important role in leading research activities. SWGs can also be considered as the cells of scientific and technological (S&T) activities. Building and developing SWGs in universities will be both objectives and solutions to enhance S&T activities. However, these groups have neither been paid due attention to nor have been properly invested. The article clarifies the actual status of building and developing excellent SWGs in Vietnam National University, Hanoi (VNU) University of Social Sciences and Humanities (USSH), and proposes some measures to improve the efficiency of S&T activities in USSH in particular and in VNU in general.

Keywords: Scientific working group (SWG), excellent SWG, leading, cell.